

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ MỎ
VÀ CÔNG NGHIỆP-VINACOMIN

Số: 302/TCKT-VIMCC

V/v: Công bố thông tin

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 05 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi : - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp – Vinacomin
2. Mã chứng khoán: TVM
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 565 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
4. Điện thoại: 024.38 544 252 Fax: 024. 38 543 164
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phùng Đức Trường – Kế toán trưởng
6. Nội dung thông tin công bố: Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04.21/NQ-VIMCC ngày 06 tháng 05 năm 2021
7. Nội dung chi tiết được đăng tải trên Website của Công ty tại địa chỉ:
<http://vimcc.vn/>
8. Công ty xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT
KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phùng Đức Trường

Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ MỎ VÀ CÔNG NGHIỆP-VINACOMIN

Ngày 06 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin (sau đây gọi là Công ty), số 565 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội; Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty đã họp dưới sự chủ trì của Ông Nguyễn Trọng Hùng - Chủ tịch HĐQT để thảo luận và thông qua một số nội dung sau:

Tham gia cuộc họp gồm:

- | | |
|-------------------------|-----------------|
| - Ông Nguyễn Trọng Hùng | Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Lê Văn Duẩn | Thành viên HĐQT |
| - Ông Lê Việt Phương | Thành viên HĐQT |

I. Nội dung

1. Thông qua Phương án hợp nhất 2 Chi nhánh: Xí nghiệp Dịch vụ tổng hợp và Xây dựng với Xí nghiệp Thương mại và Chuyển giao công nghệ.
2. Thông qua công tác cán bộ.

II. Quyết nghị

Căn cứ Tờ trình số 144 /TTr-VIMCC ngày 05/5/2021 của Giám đốc Công ty về phương án hợp nhất 2 Chi nhánh.

Căn cứ Tờ trình số 145/TTr-VIMCC ngày 05/5/2021 của Giám đốc Công ty về Công tác cán bộ.

Sau khi thảo luận, HĐQT thống nhất thông qua một số nội dung sau:

1. Thông qua phương án hợp nhất hai Chi nhánh (Có Phương án kèm theo).
2. Thông qua chủ trương bổ nhiệm Giám đốc, Phó giám đốc Xí nghiệp Thương mại và Dịch vụ tổng hợp theo quy trình từ nguồn nhân sự tại chỗ.

Căn cứ Nghị quyết giao cho Giám đốc Công ty tổ chức thực hiện./.

THÀNH VIÊN HĐQT

Lê Văn Duẩn

Lê Việt Phương

CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Trọng Hùng

Nơi nhận:

- Các thành viên HĐQT, TBKS;
- Phòng KH, TCKT, HCNS;
- Lưu: HĐQT, NPTQTCT.

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH Về phương án hợp nhất 2 Chi nhánh

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin;

Căn cứ Văn bản số 4348/TKV-TCNS ngày 27/8/2019 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc tái cơ cấu mô hình tổ chức, định biên lao động Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp giai đoạn 2017 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin ngày 26 tháng 4 năm 2021;

Giám đốc Công ty kính trình Hội đồng quản trị thông qua Phương án hợp nhất 2 Chi nhánh: Xí nghiệp Thương mại và Chuyển giao công nghệ với Xí nghiệp Dịch vụ tổng hợp và Xây dựng với các nội dung chính như sau:

I. Phương án Hợp nhất

1. Mục đích của việc hợp nhất

- Thực hiện sự chỉ đạo của TKV tập trung quản lý thống nhất, thu gọn đầu mối;
- Tránh chồng chéo ngành nghề, tiết giảm chi phí nâng cao hiệu quả SXKD;
- Tạo thuận lợi, chủ động trong việc huy động nhân lực, máy móc thiết bị giữa các đơn vị trong công ty;
- Tập trung nguồn lực, nâng cao chất lượng quản lý, đặc biệt là công tác tài chính;
- Hình thành doanh nghiệp có sức cạnh tranh lớn trên thị trường trong và ngoài TKV.

2. Lợi ích của việc hợp nhất

- Tăng cường năng lực cạnh tranh: Tạo cơ hội mở rộng quy mô, đa dạng hóa lĩnh vực hoạt động, tạo nên một đơn vị có mạng lưới rộng, tăng cường năng lực và sức mạnh cạnh tranh trên thị trường, tận dụng ưu thế về thương hiệu.

- Tăng năng lực tài chính: Do có sự cộng hưởng về tài chính, về hoạt động giữa các Chi nhánh sẽ gia tăng lợi thế và năng lực huy động vốn và nguồn lực bên ngoài cho kế hoạch phát triển. Linh hoạt, chủ động và tập trung hơn trong việc quản lý, luân chuyển, sử dụng nguồn vốn, giảm chi phí lãi vay do có thể sử dụng hiệu quả hơn nguồn vốn nhàn rỗi trước đây tại từng Chi nhánh bị hợp nhất. Thông qua tái cơ cấu, việc quản lý điều hành, phối hợp giữa các vùng miền sẽ tập trung hơn, bộ máy quản lý được sắp xếp lại, tránh trùng lặp, chồng chéo, đưa ra các quyết sách kịp thời, đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh.

- Tối ưu hóa nguồn nhân sự sẵn có: Có thể luân chuyển cán bộ ở những bộ phận có cùng chức năng để tăng cường cho những bộ phận còn mở rộng nhưng nhân sự còn mỏng. Chi phí quản lý sẽ được tinh giảm do tiết kiệm chi trả cho bộ máy nhân sự, tiết kiệm chi phí kế toán, kiểm toán hàng năm, không phải hạch toán riêng.

3. Thuận lợi và khó khăn

*** Thuận lợi**

- Việc hợp nhất là phù hợp, kịp thời với chủ trương, chính sách của Nhà nước, TKV về tái cấu trúc doanh nghiệp có vốn góp nhà nước, đảm bảo sự vững mạnh, an toàn, hiệu quả, đủ điều kiện để tồn tại và phát triển, đủ sức cạnh tranh trong quá trình hội nhập.

- Việc hợp nhất sẽ mang đến những lợi ích lớn hơn so với việc đơn vị hoạt động riêng rẽ nhờ cơ cấu gọn nhẹ, tăng quy mô tổng tài sản, tăng vị thế, phạm vi hoạt động đa dạng và khép kín hơn nên uy tín, thương hiệu, hiệu quả quản lý tài chính - đầu tư có điều kiện nâng cao.

* **Khó khăn:** Do 2 chi nhánh có trụ sở hoạt động tại địa bàn khác nhau, việc sắp xếp lao động sau hợp nhất phù hợp với điều kiện công tác ít nhiều gặp khó khăn.

4. Phương thức hợp nhất

a) Nguyên tắc hợp nhất

Việc hợp nhất 2 Chi nhánh được thực hiện trên cơ sở thành lập Chi nhánh mới và điều chuyển nguyên trạng tài sản, lao động, hồ sơ tài liệu, các khoản công nợ (phải thu, phải trả) và trách nhiệm, nghĩa vụ khác có liên quan của các Chi nhánh.

b) Hình thức hợp nhất

*** Thành lập Chi nhánh mới**

Thành lập Chi nhánh mới trên cơ sở hợp nhất hai Chi nhánh là Xí nghiệp TM&CGCN và Xí nghiệp DVTH&XD; Chi nhánh mới là đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc, được mở tài khoản tại ngân hàng và kho bạc nhà nước, hoạt động theo phân cấp và ủy quyền của VIMCC (Nội dung chi tiết theo phương án đính kèm).

*** Chấm dứt hoạt động các Chi nhánh cũ**

- HĐQT VIMCC ban hành quyết định về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh và gửi Hồ sơ thông báo tới Cơ quan thuế, Phòng ĐKKD, Khách hàng, chủ nợ, NLD,...; những người có quyền và lợi ích liên quan khác.

5. Xử lý, chuyển giao tài sản và công nợ

Các Chi nhánh tập trung xử lý và thu đòi công nợ khó đòi; Các Chi nhánh bàn giao nguyên trạng toàn bộ chứng từ sổ sách, tài sản, vật tư, tiền vốn, công nợ, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình sang Chi nhánh hợp nhất; Chi nhánh Hợp nhất chịu trách nhiệm về số liệu, chứng từ sổ sách, vật tư tiền vốn và mọi nghĩa vụ của các chi nhánh bị hợp nhất.

Chi nhánh Hợp nhất có nghĩa vụ, trách nhiệm tiếp nhận, thực hiện tiếp các phần việc đã nhận bàn giao (nghĩa vụ thu đòi công nợ, trả nợ, thực hiện các hợp đồng với đối tác, khách hàng...).

Giá trị tài sản và công nợ phải trả, phải thu được chuyển giao cho Chi nhánh Hợp nhất trên nguyên tắc báo cáo tài chính của hai Chi nhánh tại thời điểm đến hết kỳ tài chính (đến 31/3/2021). Các trường hợp phát sinh sau thời điểm này, Chi nhánh Hợp nhất có trách nhiệm báo cáo Công ty để giải quyết.

6. Phương án sắp xếp và sử dụng lao động

Chi nhánh hợp nhất có trách nhiệm lập kế hoạch sử dụng và sắp xếp, giải quyết lao động trên cơ sở phù hợp với mô hình và điều kiện hoạt động của Chi nhánh hợp nhất, phù hợp với trình độ, năng lực của Người lao động và phù hợp với quy định của pháp luật về lao động. Hằng năm, Chi nhánh hợp nhất lập kế hoạch tuyển dụng và đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật bổ sung nguồn nhân lực còn thiếu.

7. Thời gian hợp nhất

Thời gian hoàn thiện các thủ tục hợp nhất dự kiến ba (03) tháng kể từ ngày phương án hợp nhất được thông qua.

II. Tổng quan về Chi nhánh sau hợp nhất

1. Thông tin chung

Tên Chi nhánh: **Chi nhánh Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin - Xí nghiệp Thương mại và Dịch vụ tổng hợp;**

Tên tiếng Anh: General Services and Trading Enterprise;

2. Trụ sở làm việc

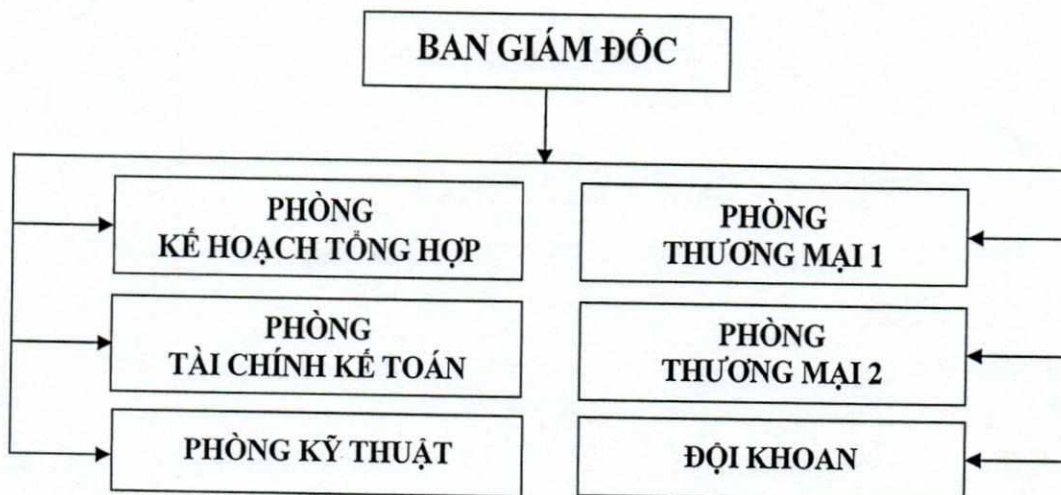
Đặt trụ sở chính tại Tổ 35b, khu 3, phường Cẩm Thành, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Đồng thời bố trí một số phòng làm việc tại địa chỉ số 565 Nguyễn Trãi - P.Thanh Xuân Nam - Q.Thanh Xuân - TP Hà Nội để thuận lợi cho công tác giao dịch và thực hiện công việc.

3. Chức năng và nhiệm vụ quyền hạn:

Là đơn vị hạch toán phụ thuộc được sử dụng con dấu và mở tài khoản hoạt động theo quy định pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của VIMCC.

4. Cơ cấu tổ chức Chi nhánh

* Sơ đồ tổ chức



* Chức năng nhiệm vụ các phòng ban (Nội dung chi tiết theo phương án đính kèm).

5. Cơ cấu ngành nghề kinh doanh

Trên cơ sở hợp nhất ngành nghề kinh doanh của các Chi nhánh tham gia hợp nhất.

6. Kế hoạch kinh doanh sau hợp nhất

Với năng lực hiện tại, đơn vị vẫn duy trì ngành nghề kinh doanh, tập trung vào 02 lĩnh vực doanh thu chính như sau:

- Đẩy mạnh công tác Khoan thăm dò là lĩnh vực kinh doanh mang lại giá trị sản xuất và lợi nhuận cao.
- Tăng cường hợp tác Kinh doanh thương mại, là lĩnh vực mang lại doanh thu chủ yếu cho Chi nhánh.

III. Phương án bảo vệ quyền lợi với những bên liên quan

1. Đối với Chủ nợ

Các Chi nhánh có trách nhiệm: (i) gửi văn bản thông báo về việc chấm dứt hoạt động cho các Chủ nợ trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày phương án hợp nhất và quyết định chấm dứt hoạt động của Chi nhánh được thông qua (ii) Gửi thông báo và xin chấp thuận từ các Chủ nợ về việc Chi nhánh chấm dứt hoạt động và chuyển giao nghĩa vụ thanh toán cho Chi nhánh hợp nhất.

Kể từ ngày hợp nhất, Chi nhánh hợp nhất sẽ kế thừa toàn bộ nghĩa vụ và chịu trách nhiệm thanh toán đối với các Chủ nợ.

Sau khi phương án hợp nhất được thông qua, các Chi nhánh đề nghị các Chủ nợ đối chiếu và xác nhận công nợ. Các chủ nợ được xác định cụ thể trên báo cáo tài chính ngày 31/12/2020 hoặc thời điểm kỳ báo cáo tài chính gần nhất kể từ ngày phương án hợp nhất được chính thức thông qua. Các chủ nợ không thực hiện đối chiếu trong thời hạn xác nhận nêu tại thông báo, người đại diện pháp luật của các Chi nhánh liên đới chịu trách nhiệm về khoản công nợ của mỗi bên.

2. Đối với người lao động

Chi nhánh hợp nhất (chi nhánh mới) cần nộp kế hoạch sử dụng lao động lên Sở Lao động Thương binh và Xã hội của địa phương nơi Chi nhánh đặt trụ sở chính ít nhất 30 ngày dự định ký HĐLĐ sửa đổi giữa Chi nhánh hợp nhất và NLĐ.

- Chi nhánh hợp nhất có nghĩa vụ thừa kế và tôn trọng HĐLĐ đã được giao kết giữa các Chi nhánh với NLĐ trước ngày hợp nhất.

- Vào ngày thành lập Chi nhánh hợp nhất, toàn bộ CBCNV-LĐ của các Chi nhánh sẽ trở thành nhân viên của Chi nhánh Hợp nhất.

- NLĐ có quyền đơn phương chấm dứt HĐLĐ nếu không có nguyện vọng làm việc tại Chi nhánh hợp nhất. Chi nhánh hợp nhất có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung HĐLĐ nhằm ghi nhận Chi nhánh hợp nhất là người được ủy quyền của Giám đốc VIMCC sử dụng lao động mới.

3. Đối với Khách hàng

- Đối với Khách hàng Công ty thực hiện việc giao kết Hợp đồng: Công ty có trách nhiệm gửi văn bản thông báo về việc chấm dứt hoạt động của 2 Chi nhánh và thành lập Chi nhánh mới trên cơ sở hợp nhất của 2 Chi nhánh cho Khách hàng. Đồng thời đề nghị các Khách hàng chuyển giao toàn bộ quyền lợi, nghĩa vụ cho Chi nhánh Hợp nhất;

- Đối với Khách hàng 2 Chi nhánh thực hiện giao kết Hợp đồng (do Công ty ủy quyền): 2 Chi nhánh có trách nhiệm gửi văn bản thông báo về việc chấm dứt hoạt động của 2 Chi nhánh và thành lập Chi nhánh mới trên cơ sở hợp nhất của 2 Chi nhánh cho Khách hàng. Đồng thời đề nghị các Khách hàng chuyển giao toàn bộ quyền lợi, nghĩa vụ cho Chi nhánh Hợp nhất;

- Công ty, các Chi nhánh và Chi nhánh Hợp nhất cam kết thực hiện đảm bảo các điều kiện giao dịch và quyền lợi, nghĩa vụ với Khách hàng trong và sau khi hợp nhất.

4. Trách nhiệm giải quyết các thủ tục thành lập và chấm dứt hoạt động

Giám đốc Chi nhánh Hợp nhất và Giám đốc 2 Chi nhánh có trách nhiệm thực hiện các thủ tục cần thiết để hoàn tất việc tái cơ cấu bao gồm nhưng không giới hạn các thủ tục khi chấm dứt, thành lập chi nhánh, lập địa điểm kinh doanh cũng như thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công bố thông tin và các thủ tục khác theo quy định của pháp luật.

Kính đề nghị Hội đồng quản trị Công ty xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu: VT, HĐQT.



Lê Văn Duẩn

Hà Nội, ngày 05 tháng 05 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về công tác cán bộ

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin;

Căn cứ Quyết định số 298/QĐ-VIMCC ngày 09/9/2019 của Hội đồng quản trị Công ty về việc ban hành Quy chế quản lý cán bộ của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin.

Căn cứ Quyết định số 41/QĐ-VIMCC ngày 02/02/2021 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt quy hoạch cán bộ lãnh đạo giai đoạn 2020- 2025 (sau rà soát, bổ sung) Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin.

Giám đốc Công ty kính trình Hội đồng quản trị (HĐQT) thông qua chủ trương về công tác cán bộ như sau:

Thực hiện chỉ đạo tại văn bản số 4348/TKV-TCNS ngày 27/8/2019 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc tái cơ cấu mô hình tổ chức, định biên lao động Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp giai đoạn 2017 - 2020. Theo đó, Xí nghiệp Dịch vụ tổng hợp và Xây dựng sẽ hợp nhất với Xí nghiệp Thương mại và Chuyển giao công nghệ thành Xí nghiệp Thương mại và Dịch vụ tổng hợp.

Theo phương án hợp nhất 02 Xí nghiệp trên thì Xí nghiệp Thương mại và Dịch vụ tổng hợp (Xí nghiệp sau hợp nhất) khi đó sẽ có tổng số 37 người gồm: 01 Giám đốc; 02 phó giám đốc và 34 người làm việc tại các phòng Kế hoạch tổng hợp; Tài chính kế toán; Thương mại 1; Thương mại 2; Kỹ thuật và Đội khoan. Mặt khác, sau khi xem xét và đánh giá năng lực cán bộ hiện có cùng với khối lượng công việc sau hợp nhất của Xí nghiệp Thương mại và Dịch vụ tổng hợp, ban lãnh đạo Công ty nhận thấy cần phải bố trí cán bộ có phẩm chất đạo đức, chính trị, có năng lực và kinh nghiệm trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh để giữ vị trí Giám đốc, Phó giám đốc Xí nghiệp Thương mại và Dịch vụ tổng hợp. Vì vậy, đề nghị HĐQT xem xét thông qua chủ trương bổ nhiệm Giám đốc, Phó giám đốc Xí nghiệp Thương mại và Dịch vụ tổng hợp theo quy trình từ nguồn nhân sự tại chỗ.

Kính đề nghị Hội đồng quản trị Công ty xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- HĐQT Công ty;
- Lưu VT, HCNS.


GIÁM ĐỐC
Le Văn Duẩn

PHƯƠNG ÁN
HỢP NHẤT HAI CHI NHÁNH

ĐƠN VỊ THAM GIA HỢP NHẤT:

- 1. XÍ NGHIỆP THƯƠNG MẠI VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**
- 2. XÍ NGHIỆP DỊCH VỤ TỔNG HỢP VÀ XÂY DỰNG**

PHƯƠNG ÁN HỢP NHẤT HAI CHI NHÁNH

ĐƠN VỊ THAM GIA HỢP NHẤT:

- 1. XÍ NGHIỆP THƯƠNG MẠI VÀ CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ**
- 2. XÍ NGHIỆP DỊCH VỤ TỔNG HỢP VÀ XÂY DỰNG**

GIÁM ĐỐC



Lê Văn Duẩn

Hà Nội, 4-2021

MỤC LỤC

STT	Nội dung	Trang	Ghi chú
I	Phần I: Danh mục từ viết tắt	3	
II	Phần II: Thông tin về các Chi nhánh tham gia hợp nhất	4	
1	Xí nghiệp Thương mại & Chuyển giao công nghệ	4	
1.1	Quá trình hình thành và phát triển	4	
1.2	Cơ cấu tổ chức và nguồn nhân lực	5	
1.3	Hoạt động sản xuất, kinh doanh	6	
1.4	Tình hình tài chính	7	
2	Xí nghiệp Dịch vụ Tổng hợp và Xây dựng	9	
2.1	Quá trình hình thành và phát triển	9	
2.2	Cơ cấu tổ chức và nguồn nhân lực	10	
2.3	Hoạt động sản xuất, kinh doanh	12	
2.4	Tình hình tài chính	12	
III	Phần III: Phương án hợp nhất	15	
1	Cơ sở pháp lý	15	
2	Mục đích của việc hợp nhất	15	
3	Lợi ích của việc hợp nhất	16	
4	Thuận lợi và khó khăn	16	
5	Phương thức hợp nhất	16	
5.1	Phương thức hợp nhất	16	
5.2	Xử lý, chuyển giao tài sản và công nợ	19	
5.3	Phương án sắp xếp và sử dụng lao động	20	
5.4	Thời gian và lộ trình hợp nhất	20	
IV	Phần IV: Thông tin chi nhánh mới sau hợp nhất	22	
A	Tổng quan về Chi nhánh sau hợp nhất	22	
1	Thông tin chung	22	
2	Trụ sở làm việc	22	
3	Chức năng và nhiệm vụ quyền hạn	23	
B	Cơ cấu tổ chức và ngành nghề kinh doanh	23	
1	Cơ cấu tổ chức chi nhánh	23	
2	Cơ cấu ngành nghề kinh doanh	25	
3	Kế hoạch kinh doanh sau hợp nhất	26	

V	Phần V: Phương án bảo vệ quyền người có liên quan	28	
1	Đối với chủ nợ	28	
2	Đối với người lao động	28	
3	Đối với khách hàng	28	

Phần I
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

1. TKV: Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.
2. VIMCC: Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin
3. Xí nghiệp TM&CGCN: Xí nghiệp Thương mại và Chuyển giao công nghệ
4. Xí nghiệp DVTH&XD: Xí nghiệp Dịch vụ tổng hợp và Xây dựng
5. Các Chi nhánh/2 Chi nhánh: Xí nghiệp TM&CGCN và Xí nghiệp DV&THXD
6. Chi nhánh Hợp nhất: Chi nhánh hợp nhất giữa 2 Xí nghiệp
7. HĐQT: Hội đồng quản trị
8. ĐKKD: Đăng ký kinh doanh
9. Sở KH&ĐT: Sở Kế hoạch và đầu tư
10. Đ: Đảng Việt Nam
11. BCTC: Báo cáo tài chính
12. Luật Doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14
13. CBCNV-LĐ: Cán bộ công nhân viên lao động
14. NLĐ: Người lao động
15. HĐLĐ: Hợp đồng lao động

Phần II

THÔNG TIN VỀ CÁC CHI NHÁNH THAM GIA HỢP NHẤT

1. XÍ NGHIỆP THƯƠNG MẠI VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Tên Xí nghiệp: Chi nhánh Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin - Xí nghiệp Thương mại và Chuyển giao công nghệ

Trụ sở: Số 565 Nguyễn Trãi - P.Thanh Xuân Nam - Q.Thanh Xuân - TP Hà Nội

Mã số Chi nhánh: 0500237543-004

Đăng ký lần đầu: ngày 14 tháng 06 năm 2007; Đăng ký thay đổi lần thứ: 13, ngày 28 tháng 05 năm 2020;

Người đại diện pháp luật: Bà Lê Thị Thanh Bình; Chức vụ: Q.Giám đốc

Xí nghiệp Thương mại và Chuyển giao công nghệ được thành lập ngày 01 tháng 6 năm 2007 theo Quyết định của HĐQT số 0207/QĐ-HĐQT ngày 27 tháng 5 năm 2007 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - TKV.

Ngành nghề kinh doanh:

STT	Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
1	4659 (Chính)	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Kinh doanh vật tư thiết bị ngành khai khoáng và các ngành công nghiệp khác, công nghiệp, nông nghiệp;
2	0510	Khai thác và thu gom than cứng Chi tiết: - Khai thác, chế biến, kinh doanh than và khoáng sản (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm)
3	3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Chế biến lâm sản và kinh doanh gỗ trụ mỏ (trừ lâm sản Nhà nước cấm)
4	4632	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột - Bán buôn thực phẩm khác
5	4652	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
6	4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: bán buôn quặng kim loại, sắt, thép, kim loại khác (trừ loại Nhà nước cấm)
7	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

STT	Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
		Chi tiết: bán buôn xi măng, gạch xây, ngói đá, cát, sỏi, kính xây dựng, gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh, gỗ chế biến, gỗ cây, sơn, véc ni;
8	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Bốc xúc vận tải khoáng sản, đất đá và san lấp mặt bằng;
9	5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ;
10	7020	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Tư vấn xuất nhập khẩu thiết bị phụ tùng, nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng phục vụ cho ngành mỏ và các ngành công nghiệp khác; Tư vấn quản lý dự án đầu tư; Tư vấn đấu thầu;
11	7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát thiết kế xây dựng công trình công nghiệp mỏ, thiết kế các công trình giao thông; - Thiết kế kiến trúc các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình khai thác mỏ; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ cơ điện công trình khai thác mỏ; - Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình mỏ, điện lực, công nghiệp, giao thông, vận tải, bưu chính viễn thông;
12	7911	Đại lý du lịch Chi tiết: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán Bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
13	7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, lắp đặt các thiết bị và gia công cơ khí; - Nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế và đào tạo chuyên gia công nghệ ngành mỏ;
14	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Dịch vụ thương mại;

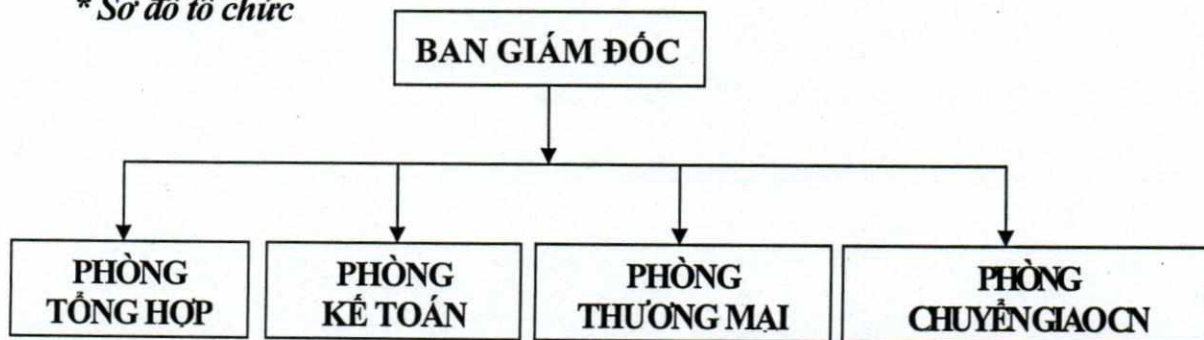
Với số vốn ban đầu được Công ty cấp là 619.019.843 đồng, sau đó được Công ty cấp bổ sung 500.000.000 đồng, nâng tổng số vốn của Xí nghiệp lên 1.119.019.843 đồng.

1.2. Cơ cấu tổ chức và nguồn nhân lực

* Cơ cấu tổ chức

- Tổng số lao động: 16 người

* Sơ đồ tổ chức



- Gồm 04 phòng, trong đó bao gồm 02 phòng thuộc khối sản xuất, và 02 phòng thuộc khối nghiệp vụ.

* Nguồn nhân lực

- Phân loại lao động theo phòng ban

+ Ban Giám đốc	(i) Giám đốc:	01 người
+ Khối nghiệp vụ	(i) Phòng Tổng hợp:	06 người
	(ii) Phòng Kế toán:	03 người
+ Khối sản xuất	(i) Phòng Thương mại:	04 người
	(ii) Phòng CGCN:	02 người

- Phân loại lao động theo trình độ

+ Lao động có trình độ Đại học và sau Đại học:	13 người (81%)
+ Lao động có trình độ Cao đẳng, Trung cấp:	03 người (19%)

- Phân loại lao động theo chuyên ngành

+ Lao động chuyên ngành Kinh tế:	07 người (44%)
+ Lao động chuyên ngành Kỹ thuật:	05 người (31%)
+ Lao động chuyên ngành khác:	04 người (25%)

Ban giám đốc có 01 người điều hành toàn bộ hoạt động của Xí nghiệp. Các phòng, ban chức năng có trách nhiệm tham mưu giúp việc cho Giám đốc trong công tác quản lý và điều hành công việc.

1.3. Hoạt động sản xuất, kinh doanh

Bảng các chỉ tiêu chủ yếu của Xí nghiệp giai đoạn 2018-2020

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Doanh thu	65.694,97	60.755,46	60.741,77
GTSX	10.558,35	7.718,15	4.326,75

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Lợi nhuận	358,7	255,57	324,21
Lương bình quân	12,96	14,99	9,83
Năng suất LDBQ	527,92	406,22	270,42

Nhận xét: Trong 3 năm gần đây doanh thu và GTSX giảm dần, đặc biệt GTSX giảm sâu vào năm 2020 kéo theo tiền lương bình quân rất thấp. Mức lợi nhuận của các năm đạt được cũng thấp và không tương xứng với doanh thu. Mặc dù số lượng CBCNV giảm nhiều và rất gọn nhẹ, nhưng năng suất lao động bình quân không tăng lên mà còn giảm xuống.

1.4. Tình hình tài chính

(1). Một số chỉ tiêu về tài chính 3 năm gần nhất (2018, 2019, 2020)

TT	Diễn giải	Giá trị (tr.đồng)		
		Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Tổng tài sản	63.941	83.352	69.528
2	Tổng nợ phải trả	62.822	82.233	68.405
3	Tổng tài sản ngắn hạn	63.909	83.333	69.519
4	Tổng nợ ngắn hạn	62.823	82.233	68.405
5	Vốn chủ sở hữu	1.119	1.119	1.119

(2). Chi tiết chỉ tiêu tài chính năm 2020:

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100	69.518.740.942	83.333.571.286
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	10.408.680.195	533.944.189
1. Tiền	111	10.408.680.195	33.944.189
2. Các khoản tương đương tiền	112		
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	59.086.478.928	82.271.088.902
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng (N131)	131	59.074.900.893	82.259.737.877
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	11.578.035	11.351.025
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-
IV. Hàng tồn kho	140	-	-
1. Hàng tồn kho	141	-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	23.581.819	528.538.195

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	23.581.819	12.775.326
2. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	515.762.869
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200	9.309.595	18.352.525
I- Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-
II. Tài sản cố định	220	-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	-	-
- Nguyên giá	222	2.745.218.482	2.745.218.482
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(2.745.218.482)	(2.745.218.482)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	9.309.595	18.352.525
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9.309.595	18.352.525
2. Tài sản dài hạn khác	268	-	-
VII. Lợi thế thương mại	269		
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200+269)	270	69.528.050.537	83.351.923.811
NGUỒN VỐN			
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	68.408.980.694	82.232.853.968
I. Nợ ngắn hạn	310	68.408.980.694	82.232.853.968
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	65.291.039.852	78.888.565.300
2. Người mua trả tiền trước	312		
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	186.859.673	170.744.891
Thuế GTGT		186.859.673	165.989.266
Thuế TNCN		-	4.755.625
4. Phải trả người lao động	314	724.026.273	

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
			1.908.174.114
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	1.614.329	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	794.058.794	1.208.328.039
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	98.613.726	52.673.737
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	1.309.400.160	
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	3.367.887	4.367.887
II. Nợ dài hạn	330	-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400	1.119.069.843	1.119.069.843
I. Vốn chủ sở hữu	410	1.119.069.843	1.119.069.843
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	1.119.069.843	1.119.069.843
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440	69.528.050.537	83.351.923.811

2. XÍ NGHIỆP DỊCH VỤ TỔNG HỢP VÀ XÂY DỰNG

2.1. Quá trình hình thành và phát triển

Tên Xí nghiệp: Chi nhánh Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin - Xí nghiệp Dịch vụ tổng hợp và xây dựng.

Trụ sở: Tổ 35b, khu 3, phường Cẩm Thành, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

Email: XNDVTH_XD89@yahoo.com.vn

Mã số Chi nhánh: 0500237543-003

Đăng ký lần đầu: Ngày 25 tháng 3 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ: 2 ngày 12 tháng 9 năm 2017, do sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp.

Người đại diện pháp luật: Ông Nguyễn Hạnh Thuyên Chức vụ: Giám đốc

Xí nghiệp Dịch vụ tổng hợp và Xây dựng trực thuộc Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin được thành lập theo quyết định số 2783TVN/TCCB ngày 21 tháng 07 năm 1997 của Tổng giám đốc than Việt Nam.

Sau khi được chuyển đổi thành Công ty cổ phần, HĐQT Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp ban hành Quyết định số 06/QĐ-HĐQT/TCCB ngày 28 tháng 3 năm 2006 về việc thành lập Xí nghiệp Dịch vụ tổng hợp và xây dựng (trên cơ sở chuyển nguyên trạng Xí nghiệp Dịch vụ tổng hợp và Xây dựng thuộc Công ty Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp trước đây). Đồng thời bổ nhiệm 01 Người đại diện trước pháp luật làm Giám đốc Chi nhánh.

Ngành nghề kinh doanh

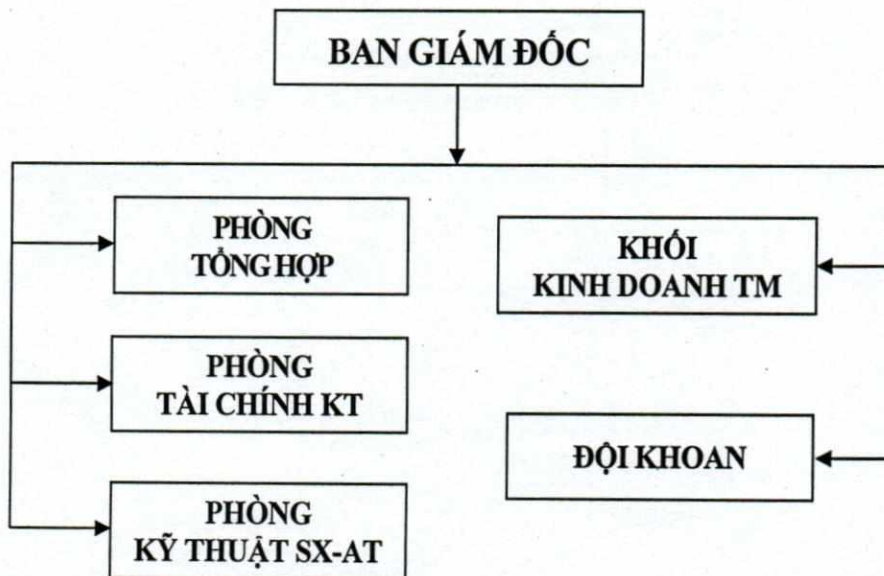
STT	Mã	Tên ngành, nghề kinh doanh
1	7110 (chính)	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan - Thiết kế kỹ thuật trắc địa, đo vẽ bản đồ địa hình, địa chính - Thiết kế, khảo sát khoan thăm dò, địa chất công trình, địa chất thủy văn
2	7020	Hoạt động tư vấn quản lý
3	0510	Khai thác và thu gom than cứng
4	3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu
5	4290	Xây dựng kỹ thuật công trình dân dụng khác
6	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
7	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
8	5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
9	7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu
10	7911	Đại lý du lịch Chi tiết: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán Bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
11	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu

2.2. Cơ cấu tổ chức và nguồn nhân lực

Cơ cấu tổ chức:

- Tổng số lao động: 21 người.
- Khối nghiệp vụ quản lý có 03 phòng: Phòng Tổng hợp, Phòng Tài chính - Kế toán và Phòng Kỹ thuật SX-AT.
- Khối sản xuất: Gồm khối Kinh doanh thương mại và Đội khoan.

*** Sơ đồ tổ chức**



*** Nguồn nhân lực**

- Phân loại lao động theo phòng ban:

+ Ban Giám đốc:	(i) Giám đốc:	01 người
+ Khối nghiệp vụ:	(i) Phòng Tổng hợp:	07 người
	(ii) Phòng Tài chính - KT:	03 người
	(iii) Phòng Kỹ thuật SX-AT:	02 người
+ Khối sản xuất:	(iv) Khối Kinh doanh TM:	02 người
	(v) Đội khoan:	06 người

- Phân loại lao động theo trình độ:

+ Lao động sau Đại học:	04 người (19%)
+ Lao động có trình độ Đại học:	08 người (38%)
+ Lao động có trình độ CNKT, LĐPT	09 người (43%)

- Phân loại lao động theo chuyên ngành

+ Lao động chuyên ngành kinh tế:	08 người (38.1%)
+ Lao động chuyên ngành kỹ thuật:	04 người (19.0%)
+ Lao động công nhân kỹ thuật:	07 người (33.3%)
+ Lao động khác (bảo vệ + tạp vụ):	02 người (9.6%)

Ban Giám đốc Xí nghiệp gồm: 01 Giám đốc là người điều hành toàn bộ hoạt động của Xí nghiệp theo chế độ chủ trương, chính sách. Các phòng, ban chức năng tham mưu giúp việc cho Giám đốc trong quản lý và điều hành.

2.3. Hoạt động sản xuất, kinh doanh

Giai đoạn 2018 - 2020

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
	Doanh thu	38.283,53	43.435,04	44.711,16	
	GTSX	9.576,51	8.601,75	13.653,97	
	Lợi nhuận	558,45	320,67	339,74	
	Lương bình quân	11,45	9,96	12,67	
	Năng suất LĐBQ	456	391	620,6	

Nhận xét: Xí nghiệp đã có nhiều sự cố gắng trong việc hoàn thành các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận do Công ty giao. Đặc biệt là năm 2020 doanh thu lĩnh vực khoan thăm dò đạt gần gấp 2 lần so với năm 2019 (năm 2020: 12.925,0 tr.đồng; năm 2019: 7.063,8 tr.đồng) đây là lĩnh vực mang lại giá trị sản xuất cao cho Xí nghiệp, Tuy nhiên lợi nhuận đạt được không cao và không tương xứng với GTSX.

2.4. Tình hình tài chính

Một số chỉ tiêu về tài chính theo BCTC 3 năm gần nhất: 2018, 2019, 2020

TT	Diễn giải	Giá trị (Tr.đồng)		
		Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Tổng tài sản	24.166	16.415	21.620
2	Tổng nợ phải trả	23.327	15.576	20.780
3	Tổng tài sản ngắn hạn	22.121	14.787	20.357
4	Tổng nợ ngắn hạn	23.327	15.576	20.780
5	Vốn chủ sở hữu	839	839	839

(2). Chi tiết chỉ tiêu tài chính năm 2020:

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối kỳ 31/12/2020	Số đầu kỳ 01/01/2020
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100	20.357.200.167	14.787.163.800
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	132.136.120	573.936.342
1. Tiền	111	132.136.120	573.936.342
2. Các khoản tương đương tiền	112		
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	19.840.696.630	13.865.665.574
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	19.519.617.081	13.439.209.158
2. Các khoản phải thu khác	136	321.079.549	426.456.416

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối kỳ 31/12/2020	Số đầu kỳ 01/01/2020
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		
IV. Hàng tồn kho	140	323.310.490	312.509.127
1. Hàng tồn kho	141	323.310.490	312.509.127
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	61.056.927	35.052.757
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	20.767.321	33.527.522
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	40.289.606	1.525.235
<i>Thuế TNCN</i>		<i>40.289.606</i>	<i>1.525.235</i>
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154		
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250 +260)	200	1.262.437.100	1.628.259.828
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		
II . Tài sản cố định	220	1.262.437.100	1.628.259.828
1. Tài sản cố định hữu hình	221	1.262.437.100	1.628.259.828
- Nguyên giá	222	3.210.090.415	3.210.090.415
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(1.947.653.315)	(1.581.830.587)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		
3. Tài sản cố định vô hình	227		
III. Bất động sản đầu tư	230		
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		
VI. Tài sản dài hạn khác	260		
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270	21.619.637.267	16.415.423.628
NGUỒN VỐN			
C - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	20.780.331.666	15.576.118.027
I. Nợ ngắn hạn	310	20.780.331.666	15.576.118.027
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15.080.886.862	11.201.634.128
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	489.235.766	348.678.685
<i>Thuế GTGT</i>		<i>489.235.766</i>	<i>348.678.685</i>
4. Phải trả người lao động	314	1.889.160.301	644.027.426

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối kỳ 31/12/2020	Số đầu kỳ 01/01/2020
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	2.913.487.564	2.683.776.726
8. Phải trả ngắn hạn khác trong đó	319	407.561.173	316.734.355
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		381.266.707
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		
II. Nợ dài hạn	330		
D - Vốn chủ sở hữu	400	839.305.601	839.305.601
I. Vốn góp của chủ sở hữu	410	839.305.601	839.305.601
1. Vốn chủ sở hữu	411	839.305.601	839.305.601
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	21.619.637.267	16.415.423.628

Phần III

PHƯƠNG ÁN HỢP NHẤT

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
 - Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019;
 - Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019;
 - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;
 - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
 - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/08/2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;
 - Căn cứ Biểu Tổng hợp cơ cấu tổ chức, bố trí lao động Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin ban hành kèm Văn bản số 6198/TKV-TCNS ngày 27/12/2018 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam V/v: Hướng dẫn định biên lao động;
 - Căn cứ Văn bản số 4348/TKV-TCNS ngày 27/8/2019 của Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt nam về việc tái cơ cấu mô hình tổ chức, định biên lao động Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp giai đoạn 2017 - 2020;
 - Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin;
 - Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin;
 - Căn cứ Nghị quyết số .21/NQ-HĐQT ngày / /2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin;
- Căn cứ một số văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Mục đích của việc hợp nhất

- Thực hiện sự chỉ đạo của TKV tập trung quản lý thống nhất, thu gọn đầu mối;
- Tránh chồng chéo ngành nghề, tiết giảm chi phí nâng cao hiệu quả SXKD;
- Tạo thuận lợi, chủ động trong việc huy động nhân lực, máy móc thiết bị giữa các đơn vị trong công ty;
- Tập trung nguồn lực, nâng cao chất lượng quản lý, đặc biệt là công tác tài chính;
- Hình thành doanh nghiệp có sức cạnh tranh lớn trên thị trường trong và ngoài TKV.

3. Lợi ích của việc hợp nhất

- Tăng cường năng lực cạnh tranh: Tạo cơ hội mở rộng quy mô, đa dạng hóa lĩnh vực hoạt động, tạo nên một đơn vị có mạng lưới rộng, tăng cường năng lực và sức mạnh cạnh tranh trên thị trường, tận dụng ưu thế về thương hiệu.

- Tăng năng lực tài chính: Do có sự cộng hưởng về tài chính, về hoạt động giữa các Chi nhánh sẽ gia tăng lợi thế và năng lực huy động vốn và nguồn lực bên ngoài cho kế hoạch phát triển. Linh hoạt, chủ động và tập trung hơn trong việc quản lý, luân chuyển, sử dụng nguồn vốn, giảm chi phí lãi vay do có thể sử dụng hiệu quả hơn nguồn vốn nhân rồi trước đây tại từng Chi nhánh bị hợp nhất. Thông qua tái cơ cấu, việc quản lý điều hành, phối hợp giữa các vùng miền sẽ tập trung hơn, bộ máy quản lý được sắp xếp lại, tránh trùng lặp, chồng chéo, đưa ra các quyết sách kịp thời, đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh.

- Tối ưu hóa nguồn nhân sự sẵn có: Có thể luân chuyển cán bộ ở những bộ phận có cùng chức năng để tăng cường cho những bộ phận còn mở rộng nhưng nhân sự còn mỏng. Chi phí quản lý sẽ được tinh giảm do tiết kiệm chi trả cho bộ máy nhân sự, tiết kiệm chi phí kế toán, kiểm toán hàng năm, không phải hạch toán riêng.

4. Thuận lợi và khó khăn

* Thuận lợi

- Việc hợp nhất là phù hợp, kịp thời với chủ trương, chính sách của Nhà nước, TKV về tái cấu trúc doanh nghiệp có vốn góp nhà nước, đảm bảo sự vững mạnh, an toàn, hiệu quả, đủ điều kiện để tồn tại và phát triển, đủ sức cạnh tranh trong quá trình hội nhập.

- Việc hợp nhất sẽ mang đến những lợi ích lớn hơn so với việc đơn vị hoạt động riêng rẽ nhờ cơ cấu gọn nhẹ, tăng quy mô tổng tài sản, tăng vị thế, phạm vi hoạt động đa dạng và khép kín hơn nên uy tín, thương hiệu, hiệu quả quản lý tài chính - đầu tư có điều kiện nâng cao.

* **Khó khăn:** Do 2 chi nhánh có trụ sở hoạt động tại địa bàn khác nhau, việc sắp xếp lao động sau hợp nhất phù hợp với điều kiện công tác ít nhiều gặp khó khăn.

5. Phương thức hợp nhất

5.1. Phương thức hợp nhất

a) Nguyên tắc hợp nhất

Việc hợp nhất 2 Chi nhánh được thực hiện trên cơ sở thành lập Chi nhánh mới và điều chuyển nguyên trạng tài sản, lao động, hồ sơ tài liệu, các khoản công nợ (phải thu, phải trả) và trách nhiệm, nghĩa vụ khác có liên quan của các Chi nhánh.

b) Hình thức hợp nhất**b.1. Thành lập Chi nhánh mới****- B1. HĐQT VIMCC thông qua:**

(i) Quyết định thành lập Chi nhánh mới trên cơ sở hợp nhất hai Chi nhánh là Xí nghiệp TM&CGCN và Xí nghiệp DVTH&XD; Chi nhánh mới là đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc, được mở tài khoản tại ngân hàng và kho bạc nhà nước, hoạt động theo phân cấp và ủy quyền của VIMCC. (Quyết định và Biên bản họp của HĐQT Công ty về việc thành lập Chi nhánh)

(ii) Quyết định bổ nhiệm người đứng đầu Chi nhánh;

- B2. VIMCC Thông báo về việc đăng ký hoạt động Chi nhánh mới, quyết định lập địa điểm kinh doanh trực thuộc Chi nhánh (nộp hồ sơ tại Phòng ĐKKD nơi Chi nhánh đặt trụ sở).

*** Hồ sơ đăng ký hoạt động Chi nhánh** quy định khoản 1 Điều 31 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP gồm:

(i) Thông báo về việc đăng ký hoạt động Chi nhánh do Giám đốc Công ty ký (Theo mẫu Phụ lục II-7 Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT);

(ii) Nghị quyết, quyết định và bản sao Biên bản họp của HĐQT Công ty,

(iii) Quyết định bổ nhiệm người đứng đầu chi nhánh;

(iv) Giấy tờ pháp lý cá nhân của người đứng đầu Chi nhánh: Thẻ căn cước công dân/(hoặc) Chứng minh nhân dân/(hoặc) Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực (Bản sao hợp lệ quy định tại Điều 11, Nghị định 01/2021/NĐ-CP)

(v) Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp (Theo mẫu Phụ lục II-1 Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT) đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương chưa thực hiện bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp để được cấp đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.

*** Hồ sơ đăng ký thông báo lập địa điểm kinh doanh trực thuộc Chi nhánh** quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định 01/2021/NĐ-CP gồm:

(i) Quyết định lập địa điểm kinh doanh trực thuộc Chi nhánh (Giám đốc Công ty ký)

(ii) Thông báo lập địa điểm kinh doanh do Người đứng đầu Chi nhánh ký (Theo mẫu Phụ lục II-7 Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).

Lưu ý: Thời gian ban hành Quyết định lập địa điểm kinh doanh trực thuộc Chi nhánh sẽ thực hiện sau khi Chi nhánh mới được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận hoạt động.

*** Thời hạn nộp hồ sơ:** 10 ngày kể từ ngày quyết định thành lập Chi nhánh mới, và quyết định lập địa điểm kinh doanh.

- B3. Các bên tiến hành và/hoặc bàn giao nguyên trạng toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp, trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao

động, hồ sơ tài liệu và các nghĩa vụ tài sản khác cho Chi nhánh Hợp nhất tiếp nhận, quản lý, sử dụng và kế thừa.

- **B4.** Người đứng đầu Chi nhánh Hợp nhất được Công ty ủy quyền có trách nhiệm thực hiện đăng ký kinh doanh, khắc dấu, công bố thông tin và các thủ tục pháp lý khác để Chi nhánh hoạt động theo đúng quy định pháp luật; Kiện toàn tổ chức bộ máy và nhân sự của Chi nhánh theo phân cấp của VIMCC.

Trình tự, thủ tục thực hiện theo Điều 45 Luật Doanh nghiệp 2020; Điều 31, Điều 32 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; Thông tư số 47/2019/TT-BTC; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT và các văn bản pháp luật hiện hành tại thời điểm thực hiện.

b.1.2. Chấm dứt hoạt động các Chi nhánh cũ

- **B1.** HĐQT VIMCC ban hành quyết định về việc chấm dứt hoạt động các chi nhánh;

- **B2.** Các Chi nhánh phải đăng ký với Cơ quan thuế để hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế (nếu có) theo quy định của pháp luật về thuế trước khi gửi Thông báo chấm dứt hoạt động;

- **B3.** VIMCC gửi bộ hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động các Chi nhánh đến Phòng ĐKKD nơi Chi nhánh đặt trụ sở trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định chấm dứt hoạt động các Chi nhánh; (Kèm theo thông báo phải có nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của HĐQT Công ty về việc chấm dứt hoạt động các Chi nhánh);

Hồ sơ chấm dứt hoạt động Chi nhánh gồm:

(i) Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh (Theo mẫu Phụ lục II-20 Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT);

(ii) Quyết định về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh của HĐQT Công ty và Bản sao Biên bản họp HĐQT;

(iii) Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế của chi nhánh và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội;

(iv) Danh sách NLD và quyền lợi tương ứng hiện hành của NLD;

(v) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh;

(vi) Con dấu của chi nhánh;

(vii) Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động quy định tại Phụ lục II-14 Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT (trường hợp chi nhánh trực thuộc doanh nghiệp được cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương);

(viii) Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đầu tư và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế của chi nhánh (trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh được cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương).

- **B4.** Các Chi nhánh thực hiện các thủ tục khóa mã số thuế, trả dấu, thanh toán các khoản nợ, thanh lý các hợp đồng,... và/hoặc bàn giao nguyên trạng toàn bộ cho Chi nhánh hợp nhất.

- **B5.** Thông báo đến Khách hàng, chủ nợ, NLD,...; những người có quyền và lợi ích liên quan khác.

Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 213 Luật Doanh nghiệp; Điều 72 Nghị định 01/2021/NĐ-CP; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT, và các văn bản pháp luật hiện hành tại thời điểm thực hiện.

c) Chi phí hợp nhất

- Chi phí hợp nhất bao gồm: các chi phí phát sinh để thực hiện toàn bộ quá trình hợp nhất từ khi Chi nhánh Hợp nhất nhận được Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh đến khi các Chi nhánh chấm dứt hoạt động. Bao gồm và không hạn chế các chi phí sau: chi phí thực hiện hồ sơ giấy tờ, chi phí nộp phạt (nếu có), chi phí đăng ký, chuyển giao quyền sở hữu,...

- Các Chi nhánh cùng nhau phối hợp thực hiện thủ tục cần thiết cho việc hợp nhất, Công ty và mỗi Chi nhánh chịu các chi phí và phí tổn phát sinh liên quan.

d) Phương pháp kế toán

Chi nhánh Hợp nhất là đơn vị hạch toán phụ thuộc, tập hợp chứng từ, mở sổ sách, hạch toán kế toán, lập báo cáo tài chính đầy đủ theo quy định của Công ty và Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Chi nhánh Hợp nhất tự kê khai thuế GTGT, thuế TNCN, thuế xuất nhập khẩu... ngoại trừ tiền thuế TNDN.

Chi nhánh hợp nhất có trách nhiệm nhận nguyên trạng toàn bộ số liệu trên sổ sách của hai chi nhánh là Xí nghiệp TM&CGCN và Xí nghiệp DV&THXD tại thời điểm chuyển giao chấm dứt hoạt động của hai chi nhánh này.

5.2. Xử lý, chuyển giao tài sản và công nợ

Các Chi nhánh tập trung xử lý và thu đòi công nợ khó đòi; Các Chi nhánh bàn giao nguyên trạng toàn bộ chứng từ sổ sách, tài sản, vật tư, tiền vốn, công nợ, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình sang Chi nhánh hợp nhất; Chi nhánh Hợp nhất chịu trách nhiệm về số liệu, chứng từ sổ sách, vật tư tiền vốn và mọi nghĩa vụ của các chi nhánh bị hợp nhất.

Chi nhánh Hợp nhất có nghĩa vụ, trách nhiệm tiếp nhận, thực hiện tiếp các phần việc đã nhận bàn giao (nghĩa vụ thu đòi công nợ, trả nợ, thực hiện các hợp đồng với đối tác, khách hàng...).

Giá trị tài sản và công nợ phải trả, phải thu được chuyển giao cho Chi nhánh Hợp nhất trên nguyên tắc báo cáo tài chính của hai Chi nhánh tại thời điểm đến hết kỳ tài chính (đến 31/3/2021). Các trường hợp phát sinh sau thời điểm này, Chi nhánh Hợp nhất có trách nhiệm báo cáo Công ty để giải quyết.

5.3. Phương án sắp xếp và sử dụng lao động

Các Chi nhánh tham gia hợp nhất sẽ chuẩn bị kế hoạch sử dụng lao động để chuyển NLĐ sang Chi nhánh hợp nhất và xin chấp thuận của BCH Công đoàn Công ty đối với kế hoạch sử dụng lao động này.

Chi nhánh hợp nhất có trách nhiệm lập kế hoạch sử dụng và sắp xếp, giải quyết lao động trên cơ sở phù hợp với mô hình và điều kiện hoạt động của Chi nhánh hợp nhất, phù hợp với trình độ, năng lực của NLĐ và phù hợp với quy định của pháp luật về lao động. Hằng năm, Chi nhánh hợp nhất lập kế hoạch tuyển dụng và đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật bổ sung nguồn nhân lực còn thiếu.

5.4. Thời gian và lộ trình hợp nhất

* Thời gian hợp nhất

Sau khi các Chi nhánh chấm dứt hoạt động và cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận thành lập Chi nhánh mới, các Chi nhánh thực hiện công việc cần thiết theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của VIMCC, hoàn tất các thủ tục pháp lý để Chi nhánh mới đi vào hoạt động.

* Lộ trình hợp nhất

TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (Dự kiến)	Đơn vị thực hiện
1	Xây dựng phương án và lộ trình hợp nhất	Trong tháng 4/2021	Các Chi nhánh và các đơn vị (QĐ số 303/QĐ-VIMCC ngày 10/9/2019)
2	Thông qua phương án hợp nhất	Trong tháng 5/2021	HĐQT Công ty
3	Thành lập Chi nhánh mới trên cơ sở hợp nhất 2 Chi nhánh (Thực hiện thông báo ĐKKD, khắc dấu, và các thủ tục pháp lý khác để Chi nhánh hoạt động theo đúng quy định pháp luật; Kiện toàn tổ chức bộ máy và nhân sự của Chi nhánh theo phân cấp của VIMCC)	Tháng 5/2021 -:- Tháng 6/2021	Công ty + Chi nhánh Hợp nhất
4	Công bố thông tin	Trong tháng 5/2021	Chi nhánh Hợp nhất
5	Chấm dứt hoạt động các Chi nhánh (Khóa mã số thuế, Quyết định chấm dứt, Thông báo, Trả dấu,..)	Tháng 5/2021 -:- Tháng 8/2021	Các Chi nhánh
6	Tiến hành bàn giao toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp, trách	Tháng 5/2021 -:- Tháng 6/2021	Công ty + Các chi nhánh

TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (Dự kiến)	Đơn vị thực hiện
	nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động, hồ sơ tài liệu và các nghĩa vụ tài sản khác của các Chi nhánh cho Chi nhánh hợp nhất		+ Chi nhánh Hợp nhất
7	Thông báo với Khách hàng, Chủ nợ, NLĐ; người có quyền và lợi ích liên quan khác	Trong tháng 5/2021	Công ty + Các Chi nhánh

Ghi chú:

+ Thời gian hoàn thiện các thủ tục hợp nhất dự kiến ba (03) tháng kể từ ngày phương án hợp nhất được thông qua.

+ Lộ trình hợp nhất có thể thay đổi tùy thuộc vào thời gian thực hiện của các cơ quan quản lý nhà nước.

Phần IV

THÔNG TIN CHI NHÁNH SAU HỢP NHẤT

A. Tổng quan về Chi nhánh sau hợp nhất

1. Thông tin chung

Tên Chi nhánh: **Chi nhánh Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mở và công nghiệp - Vinacomin - Xí nghiệp Thương mại và Dịch vụ tổng hợp;**

Tên tiếng Anh: General Services and Trading Enterprise;

2. Trụ sở làm việc

* Phương án 1

Đặt trụ sở chính tại Tổ 35b, khu 3, phường Cẩm Thành, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Trụ sở này có những ưu điểm sau:

+ Hiện tại Công ty có khu đất tại đây với diện tích 363 m² đã được UBND tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo quyết định số 4293/QĐ-UBND ngày 19/11/2007 và Công ty đã xây nhà làm việc 02 tầng với tổng diện tích khoảng 350 m². Đây là yếu tố thuận lợi khi thực hiện thủ tục đăng ký trụ sở làm việc theo quy định pháp luật.

+ Phần lớn các đối tác, khách hàng của đơn vị có địa bàn chủ yếu ở Quảng Ninh sẽ thuận lợi cho việc giao dịch, bám sát hiện trường để tìm kiếm công việc.

+ Giảm chi phí SXKD đáng kể và giải quyết công việc kịp thời vì gần khách hàng (vùng Quảng Ninh), nâng cao hiệu quả SXKD.

+ Các cán bộ của Xí nghiệp DVTH (20 người) hiện đang sinh sống tại Cẩm Phả đã quen với môi trường, công việc và khách hàng truyền thống là điều kiện thuận lợi khi đặt trụ sở tại đây.

* Phương án 2

Đặt trụ sở tại số 565 đường Nguyễn Trãi - P.Thanh Xuân Nam - Q.Thanh Xuân - TP Hà Nội. Phương án này có ưu điểm là thuận lợi cho số CBCNV của Xí nghiệp TM&CGCN (16 người) đang sinh sống tại Hà Nội được làm việc gần nhà. Tuy nhiên có những nhược điểm:

+ Không có trụ sở riêng, nếu đăng ký thì phải dùng chung trụ sở Công ty để đăng ký;

+ Xa địa bàn kinh doanh và khách hàng trong ngành nên không thuận lợi trong việc bám sát tìm kiếm đơn hàng, xử lý công việc, đồng thời chi phí sản xuất tăng lên làm giảm hiệu quả SXKD.

* Đề xuất

Đặt trụ sở chính tại Tổ 35b, khu 3, phường Cẩm Thành, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Đồng thời bố trí một số phòng làm việc tại địa chỉ số 565 Nguyễn Trãi - P.Thanh Xuân Nam - Q.Thanh Xuân - TP Hà Nội để thuận lợi cho các công tác giao dịch và thực hiện công việc.

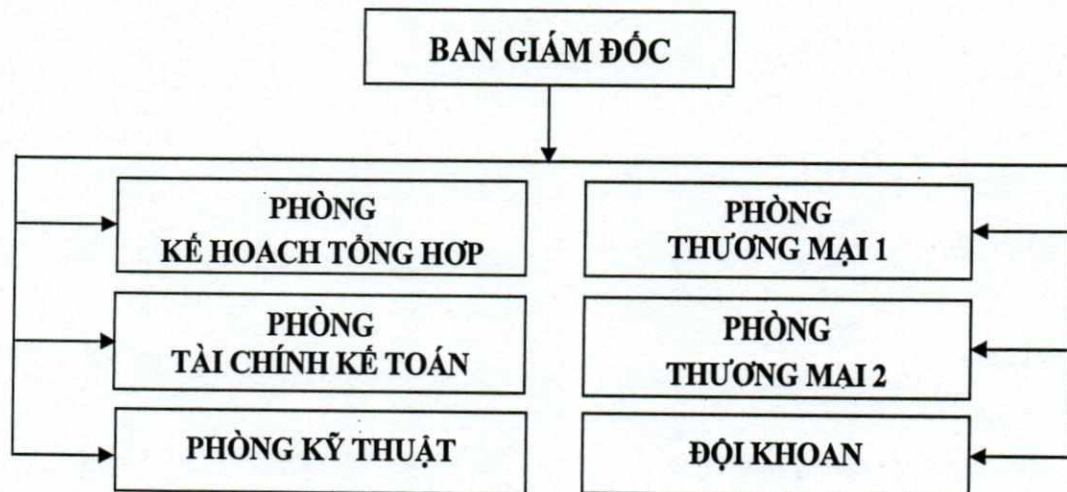
3. Chức năng và nhiệm vụ quyền hạn:

Là đơn vị hạch toán phụ thuộc được sử dụng con dấu và mở tài khoản hoạt động theo quy định pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của VIMCC.

B. Cơ cấu tổ chức và ngành nghề kinh doanh

1. Cơ cấu tổ chức Chi nhánh

1.1. Sơ đồ tổ chức



1.2. Phân tích tính hợp lý của các phòng ban:

Hiện tại, cơ cấu tổ chức các Chi nhánh đều có các phòng: Kế hoạch tổng hợp, Tài chính kế toán; Kỹ thuật và Thương mại, riêng Xí nghiệp DV&THXD có thêm Đội khoan.

Sau khi xem xét, đánh giá và phân tích cụ thể chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban trong Xí nghiệp; Ban lãnh đạo Công ty nhận thấy việc bố trí sơ đồ tổ chức của Chi nhánh hợp nhất như trên là phù hợp. Chức năng cụ thể của các phòng như sau:

- **Phòng Kế hoạch tổng hợp:** Có chức năng tham mưu, giúp việc cho Lãnh đạo Xí nghiệp về các lĩnh vực quản lý kế hoạch, hợp đồng, đầu tư xây dựng cơ bản nội bộ; Công tác nội vụ, hành chính, tổng hợp, quản trị, lễ tân; tổ chức cán bộ; lao động, tiền lương; đào tạo; chế độ chính sách đối với người lao động; thi đua khen thưởng; thanh tra, pháp chế, phòng cháy và chữa cháy, lái xe, bảo vệ, vệ sinh... trong đơn vị;

- **Phòng Tài chính kế toán:** có chức năng tham mưu, giúp việc cho Lãnh đạo Xí nghiệp trong lĩnh vực: Quản trị chi phí, Quản lý tài chính, hạch toán kế toán, thống kê; công tác huy động vốn, quản lý và sử dụng vốn, tài sản, đảm bảo đủ nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

- **Phòng Kỹ thuật:** có chức năng tham mưu giúp việc cho Lãnh đạo đơn vị xây dựng kế hoạch và thực hiện quản lý tổng hợp công tác an toàn, bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ, trực tiếp quản lý kiểm tra giám sát công tác an toàn

trong lĩnh vực sản xuất, phòng chống mưa bão, kế hoạch đề phòng và thủ tiêu sự cố. Xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác quản lý, đổi mới kỹ thuật công nghệ và các khâu công nghệ phục vụ công tác sản xuất.

- **Phòng Thương mại 1:** Thực hiện chức năng kinh doanh mua, bán thiết bị đào, chống, vận chuyển và khai thác than, các thiết bị lớn tại các mỏ trong và ngoài ngành Than như Xí nghiệp TM&CGCN.

- **Phòng Thương mại 2:** Thực hiện chức năng kinh doanh mua, bán thiết bị cơ, điện, vận tải, vật tư, phụ tùng nhỏ lẻ ... phục vụ các đơn vị trong và ngoài ngành Than như Xí nghiệp DVTH&XD

- **Đội Khoan:** thực hiện nhiệm vụ sản xuất, thi công khoan theo phương án đã được duyệt đảm bảo chất lượng, tiến độ theo hợp đồng đã ký;

1.3. Nguồn nhân lực

- Để đảm bảo cho công việc sản xuất kinh doanh sau khi hợp nhất được liên tục, không bị gián đoạn và người lao động không bị dao động về tâm lý. Khi tiến hành hợp nhất, số lao động trong các phòng ban được tiếp nhận nguyên trạng từ 2 Xí nghiệp như sau

Tổng số lao động: 37 người

+ Ban Giám đốc (cả Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán): 04 người;

+ Khối nghiệp vụ: (i) Kế hoạch tổng hợp: 12 người;

(ii) Tài chính kế toán: 05 người;

+ Khối sản xuất-kinh doanh:

(i) Kỹ thuật: 04 người;

(ii) Đội khoan: 06 người;

(iii) Thương mại 1: 03 người;

(iv) Thương mại 2: 03 người

- Sau hợp nhất, tùy theo các điều kiện sản xuất kinh doanh, Giám đốc Chi nhánh cần phải có các giải pháp cụ thể để tinh gọn bộ máy hoạt động theo hướng giảm lực lượng gián tiếp, tăng cường lao động trực tiếp. Công ty định hướng biên chế lao động như sau:

- Tổng số lao động dự kiến sau định biên: 34 -:- 36 người

+ Ban Giám đốc (cả Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán): 04 người;

+ Khối nghiệp vụ: (i) Kế hoạch tổng hợp: 07-:- 09 người;

(ii) Tài chính kế toán: 03 người;

+ Khối sản xuất-kinh doanh:

(i) Kỹ thuật: 04 người;

(ii) Đội khoan: 06 người;

(iii) Thương mại 1: 05 người;

(iv) Thương mại 2: 05 người

2. Cơ cấu ngành nghề kinh doanh

Trên cơ sở hợp nhất ngành nghề kinh doanh của các Chi nhánh, cụ thể như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
1	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Kinh doanh vật tư thiết bị ngành khai khoáng và các ngành công nghiệp khác, công nghiệp, nông nghiệp;	4659 (Chính)	X
2	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế kỹ thuật trắc địa, đo vẽ bản đồ địa hình, địa chính; - Thiết kế, khảo sát khoan thăm dò, địa chất công trình, địa chất thủy văn - Khảo sát thiết kế xây dựng công trình công nghiệp mỏ, thiết kế các công trình giao thông; - Thiết kế kiến trúc các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình khai thác mỏ; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ cơ điện công trình khai thác mỏ; - Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình mỏ, điện lực, công nghiệp, giao thông, vận tải, bưu chính viễn thông; Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát; tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật hệ thống phòng cháy và chữa cháy; tư vấn chuyên giao công nghệ phòng cháy và chữa cháy	7110	
3	Khai thác và thu gom than cứng Chi tiết: - Khai thác, chế biến, kinh doanh than và khoáng sản (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm)	0510	
4	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Chế biến lâm sản và kinh doanh gỗ trụ mỏ (trừ lâm sản Nhà nước cấm)	3290	
5	Xây dựng kỹ thuật công trình dân dụng khác	4290	
6	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; - Bán buôn thực phẩm khác	4632	
7	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652	
8	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659	

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
9	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: bán buôn quặng kim loại, sắt, thép, kim loại khác (trừ loại Nhà nước cấm)	4662	
10	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: bán buôn xi măng, gạch xây, ngói đá, cát, sỏi, kính xây dựng, gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh, gỗ chế biến, gỗ cây, sơn, véc ni;	4663	
11	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Bốc xúc vận tải khoáng sản, đất đá và san lấp mặt bằng;	4933	
12	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ;	5510	
13	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Tư vấn xuất nhập khẩu thiết bị phụ tùng, nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng phục vụ cho ngành mỏ và các ngành công nghiệp khác; Tư vấn quản lý dự án đầu tư; Tư vấn đấu thầu;	7020	
14	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, lắp đặt các thiết bị và gia công cơ khí; - Nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế và đào tạo chuyển giao công nghệ ngành mỏ;	7490	
15	Đại lý du lịch Chi tiết: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán Bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);	7911	
16	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Dịch vụ thương mại;	8299	

3. Kế hoạch kinh doanh sau hợp nhất

Với năng lực hiện tại, đơn vị vẫn duy trì ngành nghề kinh doanh, tập trung vào 02 lĩnh vực doanh thu chính như sau:

- Đẩy mạnh công tác Khoan thăm dò là lĩnh vực kinh doanh mang lại giá trị sản xuất và lợi nhuận cao.

- Tăng cường hợp tác Kinh doanh thương mại, là lĩnh vực mang lại doanh thu chủ yếu cho Chi nhánh.

Trên cơ sở phương án hợp nhất các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch SXKD năm 2021 như bảng sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020		Kế hoạch năm 2021 (hợp nhất)	Kế hoạch năm 2021	
			XNDV TH&XD	XNIM& CGCN		XNDV TH&XD	XNIM & CGCN
1	Nộp ngân sách	Tr.đ	808,90	2.226,00	Theo qđ	Theo qđ	Theo qđ
2	Tổng doanh thu	Tr.đ	44.711,16	60.741,75	89.010	39.000	50.010
2.1	Doanh thu SXKD chính	"	44.697,06	60.689,95	89.000	39.000	50.000
-	Dịch vụ tổng hợp và xây dựng	"	44.697,06	60.689,95	89.000	39.000	50.000
2.2	Hoạt động tài chính và khác	"	14,10	51,80	10	-	10
*	Giá vốn hàng mua vào bán ra	"	31.043,09	56.363,20	75.450	30.450	45.000
3	Tổng giá trị sản xuất	Tr.đ	13.653,97	4.326,75	13.550	8.550	5.000
-	Dịch vụ tổng hợp và xây dựng	"	13.653,97	4.326,75	13.550	8.550	5.000
4	Tổng chi phí	Tr.đ	44.364,35	60.415,95	88.403	38.573	49.830
4.1	Chi phí trung gian	Tr.đ	40.261,61	58.223,95	82.144	34.914	47.230
4.2	Giá trị gia tăng	Tr.đ	4.102,74	2.192,00	6.259	3.659	2.600
-	Khấu hao TSCĐ	"	365,82	0,00	365	365	
-	Tiền lương	"	3.344,48	1.888,00	5.121	2.871	2.250
-	BHXH, BHYT, kinh phí Công đoàn	"	391,43	304,00	763	413	350
-	Các loại thuế	"	1,00	0,00	10	10	-
5	Kết chuyển chi phí dở dang (ĐK-CK)	Tr.đ	7,07	0,00	-150	-	-150
-	Dịch vụ tổng hợp và xây dựng	"	7,07	-	-150	-	-150
6	Lợi nhuận	Tr.đ	339,74	325,80	757	427	330
7	Lao động tiền lương						
*	Lao động bình quân	người	22	16	39	22	17
*	Tiền lương b/q theo lao động	Tr.đ/n g-th	12,6685	9,833	10.942	10.875	11.030
*	Đơn giá tiền lương		-	436,36	393	302	450
8	XDCB	Tr.đ	-	-	-	-	-

Kế hoạch kinh doanh 3 năm

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Doanh thu	Tr/đ	89.010	94.010	99.010
2	Chi phí	Tr/đ	88.403	93.203	98.103
3	Lợi nhuận	Tr/đ	757	907	998

Phần V**PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN****1. Đối với Chủ nợ**

Các Chi nhánh có trách nhiệm: (i) gửi văn bản thông báo về việc chấm dứt hoạt động cho các Chủ nợ trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày phương án hợp nhất và quyết định chấm dứt hoạt động của Chi nhánh được thông qua (ii) Gửi thông báo và xin chấp thuận từ các Chủ nợ về việc Chi nhánh chấm dứt hoạt động và chuyển giao nghĩa vụ thanh toán cho Chi nhánh hợp nhất.

Kể từ ngày hợp nhất, Chi nhánh hợp nhất sẽ kế thừa toàn bộ nghĩa vụ và chịu trách nhiệm thanh toán đối với các Chủ nợ.

Sau khi phương án hợp nhất được thông qua, các Chi nhánh đề nghị các Chủ nợ đối chiếu và xác nhận công nợ. Các chủ nợ được xác định cụ thể trên báo cáo tài chính ngày 31/12/2020 hoặc thời điểm kỳ báo cáo tài chính gần nhất kể từ ngày phương án hợp nhất được chính thức thông qua. Các chủ nợ không thực hiện đối chiếu trong thời hạn xác nhận nêu tại thông báo, người đại diện pháp luật của các Chi nhánh liên đới chịu trách nhiệm về khoản công nợ của mỗi bên.

2. Đối với NLD

Chi nhánh hợp nhất (chi nhánh mới) cần nộp kế hoạch sử dụng lao động lên Sở Lao động Thương binh và Xã hội của địa phương nơi Chi nhánh đặt trụ sở chính ít nhất 30 ngày dự định ký HĐLĐ sửa đổi giữa Chi nhánh hợp nhất và NLD.

- Chi nhánh hợp nhất có nghĩa vụ thừa kế và tôn trọng HĐLĐ đã được giao kết giữa các Chi nhánh với NLD trước ngày hợp nhất.

- Vào ngày thành lập Chi nhánh hợp nhất, toàn bộ CBCNV-LĐ của các Chi nhánh sẽ trở thành nhân viên của Chi nhánh Hợp nhất.

- NLD có quyền đơn phương chấm dứt HĐLĐ nếu không có nguyện vọng làm việc tại Chi nhánh hợp nhất. Chi nhánh hợp nhất có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung HĐLĐ nhằm ghi nhận Chi nhánh hợp nhất là người được ủy quyền của Giám đốc VIMCC sử dụng lao động mới.

3. Đối với Khách hàng

- Đối với Khách hàng Công ty thực hiện giao kết Hợp đồng: Công ty có trách nhiệm gửi văn bản thông báo về việc chấm dứt hoạt động của 2 Chi nhánh và thành lập Chi nhánh mới trên cơ sở hợp nhất của 2 Chi nhánh cho Khách hàng. Đồng thời đề nghị các Khách hàng chuyển giao toàn bộ quyền lợi, nghĩa vụ cho Chi nhánh Hợp nhất;

- Đối với Khách hàng 2 Chi nhánh thực hiện giao kết Hợp đồng (do Công ty ủy quyền): 2 Chi nhánh có trách nhiệm gửi văn bản thông báo về việc chấm dứt hoạt động của 2 Chi nhánh và thành lập Chi nhánh mới trên cơ sở hợp nhất của 2 Chi nhánh cho Khách hàng. Đồng thời đề nghị các Khách hàng chuyển giao toàn bộ quyền lợi, nghĩa vụ cho Chi nhánh Hợp nhất;

- Công ty, các Chi nhánh và Chi nhánh Hợp nhất cam kết thực hiện đảm bảo các điều kiện giao dịch và quyền lợi, nghĩa vụ với Khách hàng trong và sau khi hợp nhất./.